

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HƯNG PHÁT HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI HƯNG PHÁT HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107755187

3. Ngày thành lập: 09/03/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 254/62/1, đường Bưởi, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0903 127 870

Fax:

Email: tranvietha.fcv@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4329
2.	Phá dỡ	4311
3.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
4.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
5.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
6.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
7.	Xây dựng nhà các loại	4100
8.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
9.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
10.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
11.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
12.	Khai thác muối	0893
13.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
16.	Quảng cáo	7310
17.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư	6619

20.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
22.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
23.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
24.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
25.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
26.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
27.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
29.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
31.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
32.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
33.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
34.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
35.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
36.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
37.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
38.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
39.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
40.	Bốc xếp hàng hóa	5224
41.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
42.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
43.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
44.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
45.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
46.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
47.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
48.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

49.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
50.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
51.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
52.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
53.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
54.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
55.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
56.	Bán buôn tổng hợp	4690
57.	Cho thuê xe có động cơ	7710
58.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
59.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
60.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
61.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
62.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
63.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
65.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
66.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
67.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
68.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
69.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
70.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
71.	Xây dựng công trình công ích	4220
72.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
73.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
74.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
75.	Bán mô tô, xe máy	4541
76.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
77.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
78.	Bán buôn gạo	4631
79.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
80.	Bán buôn đồ uống	4633
81.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
82.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
83.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661

84.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
85.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
86.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
87.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
88.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
89.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
90.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐÀO VĂN TRUNG	Đội 7, thôn Diệt Pháp, Xã Thiện Phồn, Huyện Tiên Lữ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	145285062	
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		
2	MAI TRUNG DŨNG	Xóm 2, Xã Nga Nhân, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.000	700.000.000	35,000	B7356931	
			Tổng số	70.000	700.000.000	35,000		
3	TRẦN VIỆT HÀ	Số 221 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	90.000	900.000.000	45,000	033081000608	
			Tổng số	90.000	900.000.000	45,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VIỆT HÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 15/01/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033081000608

Ngày cấp: 21/07/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 221 Nguyễn Ngọc Nại, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 10B, tổ 9, cụm 4 Vạn Phúc Thượng, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội